

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **354/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 09-5-2022.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Sơn**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Nga**.

2. Ông **Võ Hoàng Thu**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Châu Nguyễn Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án của
Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà **Vũ Thị Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 639/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2022.

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm: 1989. (có mặt)

Nơi cư trú: 8/24 ấp 4, xã T, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Bùi Diễm S, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: E8/3 Đường Tân Túc, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền T - Luật sư Công ty luật hợp danh Nam Trí Việt (có mặt).

Bị đơn: Bà **Lê Thị Bảo H**, sinh năm: 1988.(vắng mặt)

Nơi cư trú: 8/24 ấp 4, xã T, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ông L và bà Lê Thị Bảo H quen biết, hai bên tự tìm hiểu, sau đó có tổ chức đám cưới vào năm 2009, đến ngày 13/3/2009 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu hai bên chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà H có người đàn ông khác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có đánh nhau. Ông L và bà H ly thân nhau 03 năm nay, hiện nay cả hai không còn chung sống với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên Ông L yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Bảo H.

Về con chung: Ông L khai nhận ông và bà H có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Thành D (nam) sinh ngày 09/6/2010 và Nguyễn Thành T (nam) sinh ngày 05/4/2013. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thành D và giao trẻ Nguyễn Thành T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L tự nguyện cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành T mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành D.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 03/3/2022 và biên bản hòa giải vào ngày 03/3/2022 bà Lê Thị Bảo H trình bày:

Bà H xác nhận đúng như lời khai của Ông L: Bà và ông Nguyễn Thành L bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/3/2009. Thời gian đầu bà và Ông L chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do cả hai bất đồng quan điểm sống, Ông L thường xuyên đi sớm về khuya, không quan tâm vợ con. Bà H xác nhận không có người khác và vợ chồng vẫn sống chung không có ly thân như Ông L trình bày. Ông L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thì bà H không đồng ý vì còn thương chồng, thương con.

Về con chung: Bà H khai nhận bà và Ông L có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Thành D (nam) sinh ngày 09/6/2010 và Nguyễn Thành T (nam) sinh ngày 05/4/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thành T và đồng ý giao trẻ Nguyễn Thành D cho Ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng như Ông L trình bày. Bà H tự nguyện cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành D mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), Bà H không yêu cầu Ông L cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tuy nhiên sau phiên hòa giải ngày 03/3/2021 bà H không đến tòa án để tiếp tục giải quyết vụ án, vắng mặt không lý do tại phiên hòa giải vào ngày 21/3/2022 và phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 08/4/2022 dù Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về yêu cầu xin ly hôn:

Ông L và bà H sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/3/2009. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Đến năm 2019, thì mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà H thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vợ chồng cũng không còn sự tin tưởng lẫn nhau... Ông L đã nhiều lần mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng bà H không đồng ý.

Đồng thời tại các Bản tự khai của bà H và tại các Biên bản hòa giải của Tòa án thì bà H thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Việc này chứng minh thực tế cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc.

Kể từ thời điểm tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 08/12/2021 đến nay, đã qua nhiều lần hòa giải của Tòa án nhưng bà H thường xuyên vắng mặt, không có thiện chí hoà giải, không hợp tác để giải quyết nhanh chóng vụ việc. Hiện nay phía Ông L vẫn cương quyết muốn ly hôn với bà H.

Ông L xác định ông không còn tình cảm với bà H, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nếu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ thì Ông L cũng không thể tiếp tục chung sống với bà H.

Căn cứ vào những qui định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Thành L được ly hôn với bà Lê Thị Bảo H.

Về quyền nuôi con: Ông L và bà H chung sống với nhau và có 02 con chung là Nguyễn Thành D (sinh ngày 09/6/2010) và Nguyễn Thành T (sinh ngày: 05/4/2013).

Tại biên bản hòa giải ngày 03/03/2022 Ông L và bà H cùng thống nhất ý kiến nếu tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn thì Ông L sẽ nuôi trẻ D và bà

H sẽ nuôi trẻ T, Ông L sẽ cấp dưỡng nuôi trẻ T 1.500.000 đồng. Nên tôi kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp thuận theo ý kiến của các bên đã được ghi nhận trong biên bản hòa giải nói trên.

Về tài sản chung và nợ chung

Ông L, bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ông L về việc ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thành L đối với bà Lê Thị Bảo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thành L nộp đơn xin ly hôn đối với bà Lê Thị Bảo H. Bà Lê Thị Bảo H hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Lê Thị Bảo H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Bảo H theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bà Lê Thị Bảo H đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa ông Nguyễn Thành L và bà Lê Thị Bảo H nhưng bà H không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, bà Lê Thị Bảo H tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, bà Lê Thị Bảo H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/3/2009 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành L và bà Lê Thị Bảo H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông L và bà H đều xác định giữa Ông L và bà H có nảy sinh mâu thuẫn. Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Tuy nhiên, bà H thì không đồng ý ly hôn vì khai vẫn còn tình cảm với Ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ông L hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của Ông L và bà H thì giữa Ông L và bà H bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình.

Căn cứ vào Công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh vào ngày 16/3/2022 về việc phúc đáp Công văn số 445/TAHBC ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thì giữa Ông L và bà H có mâu thuẫn với nhau từ 02 năm nay, Ông L phát sinh tình cảm với người khác, giữa vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình hòa giải tại Tòa án vào ngày 21/3/2022 và các phiên tòa ngày 18/4/2022, ngày 13/5/2022 bà H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành L với bà Lê Thị Bảo H.

[5] Về con chung: Ông Nguyễn Thành L và bà Lê Thị Bảo H khai nhận có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Thành D (nam) sinh ngày 09/6/2010 và Nguyễn Thành T (nam) sinh ngày 05/4/2013. Ông L và bà H cùng thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Thành D cho Ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao trẻ Nguyễn Thành T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H tự nguyện cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành D mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), bà H không yêu cầu Ông L cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành T. Ông L tự nguyện cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành T mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), Ông L không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành D.

Xét Ông L và bà H không có tranh chấp về quyền nuôi con, và mức trợ cấp cho con.

Ông L và bà H đều xác nhận hiện trẻ Nguyễn Thành D và Nguyễn Thành T cũng đang sống chung với ông bà, cũng như căn cứ vào Công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh vào ngày 16/3/2022 về việc phúc đáp Công văn số 445/TAHBC ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thì hiện nay con chung đang sống chung với Ông L và bà H.

Đồng thời ý kiến của trẻ D và trẻ T nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì trẻ T muốn sống với mẹ, trẻ D muốn sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Thành D cho Ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao trẻ Nguyễn Thành T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Tại Bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/3/2022, bà H tự nguyện cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành D mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), bà H không yêu cầu Ông L cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành T. Ông L tự nguyện cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành T mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), Ông L không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Thành D.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không vi phạm điều cấm xã hội, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và án phí cấp dưỡng cho con; bà H phải chịu án phí cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thành L đối với bà Lê Thị Bảo H.

Ông Nguyễn Thành L được ly hôn với bà Lê Thị Bảo H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/3/2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao trẻ Nguyễn Thành D cho Ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng cho trẻ D mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Giao trẻ Nguyễn Thành T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng cho trẻ T mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Thành L và bà Lê Thị Bảo H thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng cho con vào ngày 12 Tây hàng tháng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 12/5/2022 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng cho con được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Ông L hoặc bà H không thực hiện việc cấp dưỡng cho con theo thỏa thuận thì các bên có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Kể từ khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu đương sự nào chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì đương sự đó phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông L và bà H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040243 ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thành L phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị Bảo H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM (1);
- VKSND H.BC (2);
- Chi cục THADS.HBC (1);
- UBND xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Tp. HCM (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu hồ sơ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Sơn

